



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

4103004305

ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300545501 ngày 7 tháng 12 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông La Văn Út	Chủ tịch
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Trần Kỳ Hạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc
	<i>(từ ngày 1 tháng 7 năm 2018)</i>
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc
	<i>(từ ngày 1 tháng 7 năm 2018)</i>

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Thành viên Ban Kiểm soát

Trụ sở đăng ký

236/106/1A Điện Biên Phủ
Phường 17, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00127-19-1



Wang Toon Kim
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2018-007-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140)	100		328.715.322.506	164.731.208.740
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	209.567.691.275	59.204.451.850
Tiền	111		89.567.691.275	59.204.451.850
Các khoản tương đương tiền	112		120.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.108.770.373	56.318.913.016
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	24.115.012.846	17.445.828.498
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	20.908.877.888	20.392.318.987
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	23.084.879.639	18.480.765.531
Hàng tồn kho	140	8	51.038.860.858	49.207.843.874
Hàng tồn kho	141		51.773.184.687	49.942.167.703
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(734.323.829)	(734.323.829)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		1.192.018.088.722	1.432.374.136.634
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.391.204.000	1.391.204.000
Phải thu dài hạn khác	216		1.391.204.000	1.391.204.000
Tài sản cố định	220		999.117.657.680	1.278.910.631.472
Tài sản cố định hữu hình	221	9	973.931.699.948	1.253.111.669.244
Nguyên giá	222		3.942.060.687.222	3.939.798.687.222
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.968.128.987.274)	(2.686.687.017.978)
Tài sản cố định vô hình	227	10	25.185.957.732	25.798.962.228
Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.065.022.479)	(2.452.017.983)
Tài sản dở dang dài hạn	240		43.271.084.746	3.521.658.866
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	43.271.084.746	3.521.658.866
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	148.238.142.296	148.550.642.296
Đầu tư vào công ty con	251		135.000.000.000	135.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(51.261.857.704)	(50.949.357.704)
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.520.733.411.228	1.597.105.345.374

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		375.961.748.256	462.945.518.441
Nợ ngắn hạn	310		166.363.677.756	222.295.881.941
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	33.048.676.569	11.830.602.175
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	9.775.901.709	12.416.740.718
Phải trả người lao động	314		23.578.974.450	25.451.423.823
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	10.397.282.571	8.212.844.687
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	7.236.358.759	5.499.424.840
Vay ngắn hạn	320	17	31.051.566.000	133.359.066.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	45.328.033.000	20.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.946.884.698	5.525.779.698
Nợ dài hạn	330		209.598.070.500	240.649.636.500
Vay dài hạn	338	17	209.598.070.500	240.649.636.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.144.771.662.972	1.134.159.826.933
Vốn chủ sở hữu	410	19	1.144.771.662.972	1.134.159.826.933
Vốn cổ phần	411	20	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(160.015.910)	(160.015.910)
Cổ phiếu quỹ	415		(11.635.553.757)	(11.635.553.757)
Quỹ đầu tư phát triển	418		250.991.855.223	250.991.855.223
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		106.908.717.416	96.296.881.377
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		9.036.881.977	1.814.299.767
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		97.871.835.439	94.482.581.610
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.520.733.411.228	1.597.105.345.374

Ngày 12 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Phương Mai
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:





Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	23	821.310.303.721	771.361.789.504
Giá vốn hàng bán	11	24	639.032.057.780	598.710.258.164
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		182.278.245.941	172.651.531.340
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	16.921.584.846	11.095.039.136
Chi phí tài chính	22	26	29.180.604.835	31.583.662.140
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		26.885.123.097	31.712.866.858
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		43.979.338.269	40.741.619.418
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		126.039.887.683	111.421.288.918
Thu nhập khác	31		113.962.680	5.227.854.131
Chi phí khác	32	27	3.823.202.254	138.051.204
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(3.709.239.574)	5.089.802.927
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		122.330.648.109	116.511.091.845
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	24.458.812.670	22.028.510.235
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		97.871.835.439	94.482.581.610

Ngày 12 tháng 3 năm 2019

Người lập:


 Nguyễn Phương Mai
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Nguyễn Trọng Nghĩa
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Quang Cường
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		122.330.648.109	116.511.091.845
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		282.054.973.792	299.616.295.631
Các khoản dự phòng	03		36.887.751.412	38.099.982.213
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(24.993.594)	(241.523.315)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(16.710.412.997)	(10.233.280.273)
Chi phí lãi vay	06		26.885.123.097	31.712.866.858
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		451.423.089.819	475.465.432.959
Biến động các khoản phải thu	09		(6.729.922.000)	2.685.223.339
Biến động hàng tồn kho	10		(1.831.016.984)	(2.717.187.947)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(5.897.440.168)	(97.510.256.205)
Biến động chi phí trả trước	12		-	20.003.930
			436.964.710.667	377.943.216.076
Tiền lãi vay đã trả	14		(29.204.983.452)	(33.967.039.887)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(25.138.392.984)	(20.606.090.243)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.408.485.000)	(3.921.615.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		374.212.849.231	319.448.470.946

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(31.224.266.357)	(18.839.551.558)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(30.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		11.650.477.640	9.584.133.035
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.573.788.717)	(39.255.418.523)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(133.359.066.000)	(188.737.520.499)
Tiền trả cổ tức	36		(70.924.780.400)	(62.983.126.015)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(204.283.846.400)	(251.720.646.514)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		150.355.214.114	28.472.405.909
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		59.204.451.850	30.737.565.542
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		8.025.311	(5.519.601)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	209.567.691.275	59.204.451.850

Ngày 12 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Phương Mai
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng

Người duyệt: 

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 341 nhân viên (1/1/2018: 344 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 7 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 15 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 7 năm |

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 năm/lần. Số dư dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định bằng 1/2 dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong vòng 12 tháng tiếp theo.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phân vốn chủ sở hữu.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, Công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	495.608.028	193.028.942
Tiền gửi ngân hàng	89.072.083.247	59.011.422.908
Các khoản tương đương tiền	120.000.000.000	-
	209.567.691.275	59.204.451.850

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và bên liên quan

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	12.386.965.421	11.375.949.136
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - công ty mẹ cấp cao nhất	11.727.730.115	5.706.111.098
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	317.310	363.768.264
	24.115.012.846	17.445.828.498

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và phải thu khi yêu cầu.

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trả trước hợp đồng xây dựng văn phòng	13.210.705.425	18.114.143.000
Trả trước khác	7.698.172.463	2.278.175.987
	20.908.877.888	20.392.318.987

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	10.401.150.182	8.805.478.154
▪ Phải thu về lợi nhuận được chia	10.401.150.182	6.879.106.319
▪ Phải thu về các khoản chi hộ	-	1.926.371.835
Khoản chi hộ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	4.526.989.073	974.259.572
Phải thu về lợi nhuận được chia - Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	2.974.216.742	1.436.325.248
Tạm ứng cho người lao động	2.557.043.253	1.355.901.878
Các khoản phải thu khác	2.625.480.389	5.908.800.679
	23.084.879.639	18.480.765.531

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và phải thu khi yêu cầu.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	51.580.465.275	(734.323.829)	47.679.747.689	(734.323.829)
Công cụ và dụng cụ	192.719.412	-	152.790.185	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	2.109.629.829	-
	51.773.184.687	(734.323.829)	49.942.167.703	(734.323.829)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	734.323.829	109.425.242
Tăng dự phòng trong năm	-	624.898.587
Số dư cuối năm	734.323.829	734.323.829

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 734 triệu VND (1/1/2018: 734 triệu VND) phụ tùng và vật tư không còn sử dụng và dự kiến sẽ được thanh lý trong năm tới. Giá trị thuần có thể thực hiện được của số phụ tùng và vật tư này được ước tính bằng 0.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	174.339.147	3.939.281.838.700	342.509.375	3.939.798.687.222
Tăng trong năm	-	2.262.000.000	-	2.262.000.000
Số dư cuối năm	174.339.147	3.941.543.838.700	342.509.375	3.942.060.687.222
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	174.339.147	2.686.170.169.456	342.509.375	2.686.687.017.978
Khấu hao trong năm	-	281.441.969.296	-	281.441.969.296
Số dư cuối năm	174.339.147	2.967.612.138.752	342.509.375	2.968.128.987.274
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	1.253.111.669.244	-	1.253.111.669.244
Số dư cuối năm	-	973.931.699.948	-	973.931.699.948

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 339.890 triệu VND (1/1/2018: 727.794 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản với nguyên giá 729.225 triệu VND (1/1/2018: 6.414 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.452.017.983
Khấu hao trong năm	613.004.496
Số dư cuối năm	3.065.022.479
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	25.798.962.228
Số dư cuối năm	25.185.957.732

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	3.521.658.866	22.895.909.520
Tăng trong năm	53.258.644.292	50.051.882.173
Sử dụng quỹ dự phòng sửa chữa lớn	(11.247.218.412)	(69.426.132.827)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.262.000.000)	-
Số dư cuối năm	43.271.084.746	3.521.658.866

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018				1/1/2018					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con										
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	100%	100%	100%	120.000.000.000	(*)	100%	100%	120.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	100%	100%	100%	15.000.000.000	(*)	100%	100%	15.000.000.000	-	(*)
				<u>135.000.000.000</u>				<u>135.000.000.000</u>		
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác										
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	4,39%	4,39%	53.500.000.000	(*)	625.000	4,39%	53.500.000.000	(50.687.500.000)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000	(*)	600.000	2,02%	6.000.000.000	(261.857.704)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000	(*)	500.000	17,86%	5.000.000.000	-	(*)
				<u>64.500.000.000</u>				<u>64.500.000.000</u>	<u>(50.949.357.704)</u>	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng	8.749.322.000	-
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	8.497.028.011	4.103.378.023
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	4.094.031.764	-
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	4.057.797.072	-
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	1.222.097.250	4.046.314.800
Các nhà cung cấp khác	6.428.400.472	3.680.909.352
	33.048.676.569	11.830.602.175

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	8.497.028.011	4.103.378.023
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	4.057.797.072	-
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	4.094.031.764	-
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	1.222.097.250	4.046.314.800
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	715.793.326	332.998.061
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	52.371.900	15.479.100
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu - Xăng dầu Khu vực 2	27.652.900	28.284.900

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.086.814.308	46.012.883.307	(47.990.120.032)	1.109.577.583
Thuế nhập khẩu	-	2.614.707.751	(2.614.707.751)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.947.620.602	24.458.812.670	(25.138.392.984)	8.268.040.288
Thuế thu nhập cá nhân	367.029.103	4.288.875.036	(4.461.889.958)	194.014.181
Các loại thuế khác	15.276.705	2.114.633.205	(1.925.640.253)	204.269.657
	12.416.740.718	79.489.911.969	(82.130.750.978)	9.775.901.709

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên	3.612.793.107	1.297.376.562
Chi phí lãi vay	2.159.912.902	4.479.790.605
Cảng phí	1.623.350.668	1.135.154.500
Các khoản khác	3.001.225.894	1.300.523.020
	10.397.282.571	8.212.844.687

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	23.625.093	23.523.861
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	578.494.143	-
Cổ tức phải trả cổ đông khác	934.603.860	879.384.860
Phải trả khác Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	657.500.000	-
Phải trả khác Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	601.600.000	313.200.000
Phải trả khác Công ty TNHH MTV Thuyền viên Vipco – công ty liên quan	951.764.557	889.637.518
Phải trả khác Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn – công ty liên quan	1.311.000.000	1.311.000.000
Kinh phí công đoàn	1.672.560.381	1.686.124.604
Chi phí khác	505.210.725	396.553.997
	7.236.358.759	5.499.424.840

Khoản phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 1/1/2018 VND	Biến động trong năm Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 31/12/2018 VND
Vay dài hạn	374.008.702.500	-	(133.359.066.000)	240.649.636.500
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(133.359.066.000)			(31.051.566.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	240.649.636.500			209.598.070.500

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
▪ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	USD	5,25%- 6,25%	2018	-	102.307.500.000
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	VND	9,1%	2026	240.649.636.500	271.701.202.500
				240.649.636.500	374.008.702.500

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 339.890 triệu VND (1/1/2018: 727.794 triệu VND) (Thuyết minh 9).

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Dự phòng sửa chữa lớn	
	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	20.000.000.000	51.638.549.201
Dự phòng lập trong năm	36.575.251.412	37.787.583.626
Dự phòng sử dụng trong năm	(11.247.218.412)	(69.426.132.827)
Số dư cuối năm	45.328.033.000	20.000.000.000

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	73.007.632.567	1.110.870.578.123
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	94.482.581.610	94.482.581.610
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(8.100.000.000)	(8.100.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(63.093.332.800)	(63.093.332.800)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	96.296.881.377	1.134.159.826.933
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	97.871.835.439	97.871.835.439
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(16.280.000.000)	(16.280.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(70.979.999.400)	(70.979.999.400)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	106.908.717.416	1.144.771.662.972

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	78.866.666	788.666.660.000	78.866.666	788.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

21. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 9 tháng 4 năm 2018 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 70.980 triệu VND, tương đương 900 VND mỗi cổ phiếu (2017: 63.093 triệu VND, tương đương 800 VND mỗi cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.544.180.800	2.701.656.000

(b) Ngoại tệ

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	15.261	353.371.002	294.377	6.672.046.092

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	66.357.379.161	80.323.060.491

23. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	2018	2017
	VND	VND
Doanh thu vận tải biển	810.397.573.539	760.195.980.548
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	10.912.730.182	11.165.808.956
	821.310.303.721	771.361.789.504

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn vận tải biển	631.192.903.765	590.583.967.603
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	7.839.154.015	8.126.290.561
	<hr/>	<hr/>
	639.032.057.780	598.710.258.164

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Cổ tức được chia	13.189.241.676	9.565.631.567
Lãi tiền gửi	3.521.171.321	667.648.706
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	211.171.849	861.758.863
	<hr/>	<hr/>
	16.921.584.846	11.095.039.136

26. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	26.885.123.097	31.712.866.858
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.982.981.738	183.295.282
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	312.500.000	(312.500.000)
	<hr/>	<hr/>
	29.180.604.835	31.583.662.140

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

27. Chi phí khác

	2018 VND	2017 VND
Khắc phục sự cố tàu	3.188.500.000	-
Các khoản khác	634.702.254	138.051.204
	<hr/>	<hr/>
	3.823.202.254	138.051.204
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	102.481.264.257	89.096.504.977
Chi phí nhân công	109.055.690.132	105.210.178.316
Chi phí khấu hao	282.054.973.792	299.616.295.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.910.023.586	49.281.297.944
Chi phí khác	99.399.814.453	96.668.731.893
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	23.060.544.464	22.028.510.235
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.398.268.206	-
	24.458.812.670	22.028.510.235

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	122.330.648.109	116.511.091.845
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	24.466.129.622	23.302.218.369
Thu nhập không bị tính thuế	(2.637.848.335)	(2.493.397.594)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.232.263.177	1.219.689.460
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.398.268.206	-
	24.458.812.670	22.028.510.235

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018	2017
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	588.634.955.899	591.333.791.714
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.517.400.131	6.605.700.852
<i>Các công ty liên quan khác</i>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	223.587.707.717	171.736.480.189
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP		
Mua hàng hóa và dịch vụ	12.557.179.500	15.866.568.000
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn		
Mua hàng hóa và dịch vụ	25.302.548.811	38.434.758.271
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn		
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.310.320.153	22.002.423.135
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.844.312.639	5.475.814.520
Mua hàng hóa và dịch vụ	28.093.133.746	2.759.029.650
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè		
Mua hàng hóa và dịch vụ	389.211.969	425.292.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu Vực 2		
Mua hàng hóa và dịch vụ	306.743.905	298.481.361
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Tiền lương, thù lao và thưởng	4.493.200.000	4.763.280.000

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Phương Mai
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc